TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2019/DS-PT
Ngày 15 - 11 - 2019
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe và tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Trực

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản và sức khỏe bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Việt N, sinh năm 1969, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965, (có mặt)

2. Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1973, (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ông Bùi Tuấn L1, sinh năm 1977, (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975, (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977, (có mặt)

6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971, (vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1942, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Võ Việt N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Võ Việt Nữ trình bày: Năm 2014, bà có cho anh Trần Thanh V và chị Nguyễn Thị A thuê diện tích đất 28.110m^2 để nuôi trồng thủy sản. Mặc dù thời hạn thuê 06 năm nhưng đến ngày 10/9/2017 anh V và chị A thỏa thuận trả diện tích đất nêu trên cho bà và bà đồng ý hoàn lại 67.500.000đ và tiền con giống còn lại trong vuông tôm số tiền 15.000.000đ cho anh V chị A. Ngày 15/8/2017, bà đến cống định xổ vuông thì bà Đ, ông Đ, ông H1, ông H, bà M, ông L cùng đến ngăn cản. Đến ngày 16/8/2017 ông Đ trực tiếp khóa cống xổ vuông của bà, ngày 18/8/2017 đường lộ đal gần cống xổ vuông của bà bị vỡ và ngày 21/8/2017 bà Đ mở khóa nhưng vẫn không cho bà xổ vuông trong thời hạn 13 tháng. Ngày 01/01/2018 âm lịch đường lộ đal tiếp tục bị vỡ, lúc này gia đình bà Đ đến làm cầu đi qua đường lộ bị vỡ nên bà ngăn cản dẫn đến xô xát và bà bị thương phải điều trị. Nay, bà N yêu cầu bà Đ, ông H1, ông H, bà M, ông Đ, ông L1, ông T, ông L cùng bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà số tiền 56.000.000 đồng (gồm 52.000.000 đồng tiền mất thu nhập từ vuông tôm và 3.000.000 đồng thuê người bồi đắp đường bờ bị vỡ) và 1.000.000 đồng tiền điều trị thương tích.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Vợ chồng ông Trần Thanh V và bà Nguyễn Thị A có nợ bà số tiền 74.000.000 đồng. Ngày 16/8/2017 âm lịch bà có yêu cầu chính quyền địa phương mời vợ chồng ông V đến làm việc liên quan đến số tiền còn nợ của bà nhưng không ai đến. Do vậy, bà cùng chồng bà là ông Hồ Văn Đ có đến khóa cống xổ vuông của ông V (vì biết ông V thuê đất của bà N còn thời hạn 06 năm) nhằm tạo áp lực để vợ chồng ông V thanh toán tiền nợ cho bà. Tuy nhiên, đến ngày 20/8/2017 âm lịch công an xã A yêu cầu bà mở khóa trả cống xổ vuông cho ông V nên bà đã mở khóa. Sự việc khóa cống không gây thiệt hại cho bà N nên bà không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà N. Riêng về thương tích của bà N thì bà không gây ra nên cũng không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn Đ trình bày: Ông Đ là chồng của bà Đ, ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ. Ông Đ là người trực tiếp khóa cống xổ vuông của ông V nhưng chỉ khóa trong 04 ngày và đã mở khóa trả cống cho ông V theo yêu cầu của công an xã. Ông không đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, ông Bùi Tuấn L1, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T cùng thống nhất trình bày: Các ông không tham gia khóa cống xổ vuông của bà N và không gây thương tích nào cho bà N nên không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà không biết và không tham gia khóa cống xổ vuông của bà N, còn việc xô xát với bà N thì chỉ một mình bà tham gia. Tuy nhiên, việc xô xát bản thân bà và bà N bị thương tích nhưng nghĩ vết thương nhẹ nên bà không điều trị. Bà không thấy bà N bị thương tích gì nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà N.

Từ nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 590 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 cua Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Việt N về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 483.753 đồng. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền 55.000.000 đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M bồi thường cho bà Võ Việt N số tiền 486.753 đồng.

3. Về án phí: Bà Võ Việt N phải nộp 2.750.000 đồng. Bà Võ Việt N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 1.350.000 đồng tại biên lai thu số 0011095 ngày 20/4/2018 được chuyển thu án phí. Bà Võ Việt N còn phải nộp 1.400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về Luật thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn bà Võ Việt N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Tuấn L1, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Đ bồi thường thiệt hại do tài sản và sức khỏe bị xâm phạm bằng tổng số tiền 56.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Việt N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến và đề nghị:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của bà N yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng tiền đắp đập: Bà Đ và ông Đ thừa nhận từ ngày 16/8/2017 âm lịch đến ngày 20/8/2017 âm lịch ông bà có khóa cống xổ nước, trong thời gian này thì cống của bà N bị vỡ là phù hợp với lời khai của ông K là người được bà N thuê đắp đập vào ngày 22/8/2017; nên có căn cứ xác định, việc bà Đ và ông Đ khóa cống xổ nước dẫn đến vỡ cống gây thiệt hại cho bà N; do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của bà N.

Đối với yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà Đ, ông Đ bồi thường thiệt hại do bà không xổ vuông tôm được với số tiền 52.000.000 đồng; tuy nhiên tại phiên tòa bà N xác định trong thời gian 13 tháng bà không có thả tôm và bà N không có tài liệu chứng minh việc ông Đ bà Đ gây thiệt hại cho bà nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bà N.

Xét kháng cáo của bà N yêu cầu bà Đ và người liên quan bồi thường thiệt hại về sức khỏe 1.000.000 đồng, xét thấy chỉ có bà N và bà bà M xô xát với nhau, bà N không nhập viện điều trị mà chỉ cung cấp toa vé điều trị số tiền 486.753 đồng và bà M đồng ý bồi thường cho bà N số tiền trên, bà N cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bà N.

Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà N, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Tuấn L1, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Đ có trách nhiệm bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bà số tiền 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại như sau:

"*1. Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác; 2. Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*"

Trong quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà N không đưa ra được chứng cứ để chứng minh thương tích của bà là do bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Tuấn L1, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Đ gây ra cho bà, theo lời khai của bà Nguyễn Thị M xác định giữa bà và bà N có xảy ra xô xát, do gia đình bà làm lại phần đường bị hư hỏng phương tiện giao thông không tham gia được thì bà N ra ngăn cản và xô xát với bà, nhưng có gây ra thương tích cho bà N hay không thì bà không biết. Tuy nhiên, bà cũng đồng ý bồi thường các khoản chi phí tiền thuốc cho bà N theo như cấp sơ thẩm đã xét xử.

Theo Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm gồm: "*Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại; Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần phải có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại; Thiệt hại khác do luật quy định và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu*". Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện bà N chỉ yêu cầu bồi thường chi phí điều trị thương tích mà không yêu cầu bồi thường các khoản khác theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự để xem xét yêu cầu khởi kiện của bà N và buộc bà M có trách nhiệm bồi thường các khoản chi phí hợp lý điều trị thương tích của bà N số tiền 486.753đ là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N yêu cầu bà M, bà Đ, ông L, ông H, ông T, ông H1 và ông L1 bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bà số tiền 1.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Tuấn L1, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 3.000.000 đồng do bà bỏ ra thuê người đắp đập bi vỡ. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà N xác định từ ngày 16/8/2017 vợ chồng bà Đ, ông Đ đã ngang nhiên đến khóa miệng cống vuông nuôi tôm của bà, làm cho bà không xổ nước ra được nên bờ vuông của bà bị vỡ, bà Đ và ông Đ thừa nhận do ông V, bà A thuê đất của mà N canh tác trong thời gian 06 năm, trong thời gian này bà A, ông V có thiếu tiền của vợ chồng bà nhưng khi ông V, bà A kết thúc hợp đồng thuê đất trước hạn với bà N mà không trả tiền nợ cho vợ chồng bà, nên vợ chồng bà đến khóa vuông nuôi tôm do ông V, bà A thuê để nhằm mục đích cho ông V, bà A trả nợ cho vợ chồng bà, trong thời gian khóa miệng cống vuông tôm từ ngày 16/8/2017 đến 21/8/2017 đường bờ vuông của ông V, bà A có bị vỡ một lần, nhưng vợ chồng bà xác định thời điểm này ông V, bà A là người quản lý, sử dụng phần đất của bà N, nên vợ chồng bà không gây thiệt hại tài sản cho bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể phần đất

vuông tôm do ông V, bà A thuê là tài sản của bà N, tại thời điểm bà Đ, ông Đ đến khóa miệng cống xổ vuông do bà N là người quản lý, sử dụng đất, hành vi của bà Đ, ông Đ khóa miệng cống vuông tôm của bà N là hành vi trái pháp luật, căn cứ lời khai của bà Đ, ông Đ, bà N, ông K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện trong khoảng thời gian từ ngày 16/8/2017 đến 21/8/2017 phần đường bờ bao sát miệng cống xổ nước của bà N bị vỡ, bà N đã thuê ông K đắp đập 02 lần với số tiền 3.000.000đ. Như vậy, có căn cứ để xác định bà Đ, ông Đ đã có hành vi trái pháp luật, xâm hại đến tài sản hợp pháp của bà N, hành vi trái pháp luật của bà Đ, ông Đ là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại cho bà N, do bà N phải thuê người đắp lại phần đập bị vỡ do bà N không xổ nước ra được. Do đó, bà Đ, ông Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho bà N số tiền 3.000.000 đồng, nên có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của bà N, sửa phần này của án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Tuấn L1, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H1 và ông Hồ Văn Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 52.000.000 đồng, do những người này ngăn cản không cho bà xổ tôm trong thời hạn 13 tháng, mỗi tháng bị thiệt hại do thất thu số tiền 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà N xác định vợ chồng bà Đ, ông Đ chỉ khóa miệng cống xổ nước từ ngày 16/8/2017 đến ngày 21/8/2017 thì mở khóa cống xổ nước. Tuy nhiên, bà xác định sau khi mở khóa cống thì bà Đ và những người khác không cho bà xổ nước trong vuông ra để thu hoạch tôm, trong quá trình giải quyết vụ án bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh trong khoảng thời gian 13 tháng phía bên bà Đ và những người khác có hành vi ngăn cản không cho bà xổ tôm, tại phiên tòa hôm nay bà xác định bà không trình báo với chính quyền địa phương để can thiệp khi gia đình bà Đ ngăn cản không cho bà xổ nước, bà xác định số tiền bị thiệt hại 52.000.000 đồng là do bà tự tính bình quân mỗi tháng không xổ nước bắt tôm được là thiệt hại 4.000.000 đồng, còn thực tế thì bà không đầu tư thả con giống.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 584 và Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại và nguyên tắc bồi thường thiệt hại là phải có thiệt hại thực tế xảy ra, phải có hành vi trái pháp luật và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật với hậu quả, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà N không chứng minh được vợ chồng bà Đ và những người khác ngăn cản không cho bà xổ tôm trong thời gian 13 tháng và trong khoảng thời gian này bà cũng không có thả tôm giống, không thực hiện việc xổ nước bắt tôm, theo bà N xác định trước khi ông V, bà A trả lại vuông cho bà thì bà A có thả tôm giống với số tiền 15.000.000đ, nhưng bà A và bà đã có xổ bắt tôm được vài con nước, từ đó về sau thì bà không mua con giống thả thêm, nên số tiền thiệt hại do bà dựa trên sự tính toán mỗi tháng thiệt hại 4.000.000 đồng, số tiền này không phải là thiệt hại thực tế. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm không có căn cứ để chấp yêu cầu khởi kiện

cũng như kháng cáo của bà N đối với số tiền thiệt hại 52.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà N, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà N kháng cáo được chấp nhận một phần, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Việt N. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 266, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 590 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Việt N yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Tuấn L1, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Đ bồi thường thiệt hại do tài sản và sức khỏe bị xâm phạm.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bà Võ Việt N số tiền 486.753 đồng (bốn trăm tám mươi sáu ngàn, bảy trăm năm mươi ba đồng).

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Văn Đ cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Võ Việt N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

1.3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Việt N yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Tuấn L1, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H và ông Hồ Văn Đ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền 52.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, phúc thẩm:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Buộc bà Võ Việt N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 2.600.000 đồng, bà Võ Việt N đã nộp tạm ứng án phí 1.350.000 đồng theo biên lai thu số 0011095 ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Bà Võ Việt N còn phải nộp tiếp số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Việt N không phải nộp, bà Võ Việt N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0003966 ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Anh Tuấn